

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lang Thị Đ, sinh năm 2000; nơi thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh; số căn cước công dân: 040300021392. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân P, sinh năm 2001; nơi thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh; số căn cước công dân: 024201001866. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lang Thị Đ trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với Bùi Xuân P vào ngày 18/11/2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang cũ (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh). Trước đó, chị và anh P đã có quan hệ tình cảm, chị có thai và đã về chung sống với anh P từ tháng 10/2022, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh P là ông H, bà G. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ nhau do bất đồng quan điểm và lối sống. Chị ở nhà nuôi con nhỏ, chưa đi làm được còn anh P thì mãi chơi, không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo được cho vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 3/2023, từ đó đến nay chị cùng con ở trọ tại Q, Bắc Ninh, còn anh P đi đâu không rõ, anh chị không còn qua lại với nhau. Bố mẹ chồng có động viên chị quay về nhưng chị thấy anh P không

hề thay đổi, còn gọi điện sỉ nhục chị, nên chị không về. Nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 25/11/2022, hiện con đang ở với chị và đang học mầm non tư thục. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng cho con: chị không yêu cầu giải quyết. Hiện chị làm công nhân tại Công ty Đ1 - khu công nghiệp Q, thu nhập 9 - 12 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc 11 giờ/ngày, cứ 2 tuần làm ngày thì 2 tuần làm đêm. Khi chị đi làm thì mẹ đẻ chị là bà Trương Thị H1 giúp lời trông nom, chăm sóc và đưa đón con đi học. Chị xác định đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Bùi Xuân P: Anh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc theo giấy triệu tập, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án không có lý do.

Toà án tiến hành làm việc với bố đẻ anh P và trưởng thôn nơi chị Đ, anh P cư trú, Công an thị xã N kết quả xác định: Chị Đ và anh P kết hôn năm 2022, sinh con ngay sau khi kết hôn và ở chung với bố mẹ chồng được 01 tháng thì chị Đ bỏ đi không về nữa. Anh P vẫn ở địa phương và sống cùng bố mẹ nhưng thường xuyên đi làm ăn thi thoảng mới về và thời gian về nhà không cố định. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn cụ thể gia đình và địa phương không nắm được. Bố đẻ anh P trình bày gia đình đã giao và thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P biết nhưng anh P không đến Tòa làm việc, anh P có nói với ông là đồng ý ly hôn chị Đ và đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh P vắng mặt.

Tại phiên tòa chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị Đ được ly hôn anh Bùi Xuân P.

Về con chung: Giao cho chị Lang Thị Đ được nuôi con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 25/11/2022. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không xét xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn là anh Bùi Xuân P có nơi thường trú tại xã N, tỉnh Bắc Ninh, nên xác định quan hệ tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Đ kết hôn với anh P trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 18/11/2022 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Đ xác định vợ chồng đã chung sống trước khi kết hôn, ngay sau khi kết hôn chị sinh con nhỏ vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ nhau do bất đồng quan điểm và lối sống. Chị ở nhà nuôi con nhỏ, chưa đi làm được còn anh P thì mãi chơi, không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo được cho vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định chị Đ, anh P không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc và sống chung với nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và

gia đình. Ngoài ra, anh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia hòa giải, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của chị Đ chứng tỏ anh P không còn thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn: Vợ chồng chị Đ và anh P có 01 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 25/11/2022, hiện đang sống với chị Đ. Chị Đ có nguyện vọng nuôi con, có việc làm, thu nhập ổn định, anh P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không trực tiếp chăm sóc con và không có quan điểm ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó cần giao cháu T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Đ không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đ xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị Đ được ly hôn anh Bùi Xuân P.

2. Về con chung: Giao cho chị Lang Thị Đ trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 25/11/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lang Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số 0002282 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3- Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Hương